

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ - ST

Ngày 27/11/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Cường

2. Bà Phạm Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKHKTT: Thôn P, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2

Địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, bản tự khai ngày 15/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T1 xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 06 tháng 02 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Tháng 9 năm 2014 anh T1 bỏ đi Nam. Thời gian đầu, khi nào cần tiền thì anh T1 liên lạc với chị, sau đó anh không liên lạc nên chị cũng không biết anh T1 đang ở đâu. Đến thời gian gần đây anh T1 mới liên lạc lại với chị nói là anh đang cai nghiện tại Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2, có địa chỉ tại xã V, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2014, hiện chị không có thai. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh T1 không còn nên chị xin được ly hôn anh Lê Văn T1.

Về con chung: Chị và anh T1 không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Văn T1 hiện anh đang cai nghiện tại Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2 có địa chỉ: Ấp 3, xã Văn, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, ngày 15/10/2020, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện C1, TP. Hồ Chí Minh. Tại bản tự khai ngày 26/10/2020 bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 06/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2017 anh vào miền Nam sinh sống. Nay chị H xin được ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 49 và Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T1 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T1. Về tài sản và nợ chung anh, chị không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng; Tòa án nhân dân huyện Nông Công nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện xin được ly hôn anh Lê Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Lê Văn T1 có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp; trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn anh, chị không tìm cách giải quyết mà mỗi người một nơi. Vợ chồng sống ly thân đã lâu không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị H xin được ly hôn, về phía anh T1 cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và T1 không có con chung.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị H và T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Văn T1

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002233 ngày 12/10/2020, chấp nhận chị H đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T1 được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã L, huyện C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình

